

Bản án số: 202/2024/KDTM-ST  
Ngày: 22-8-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Tụ
- Bà Lê Thị Diệu Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bê Thị Phương- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11031/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13477/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH L & L HCM

Trụ sở: Tầng 9, 77 Hoàng Văn T, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Như T, sinh năm 1993, Bà Phan Kim Q, sinh năm 1998; bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 1998; Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 9, 77 Hoàng Văn T, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024).

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Công ty TNHH P

Trụ sở: 15F – 15G Nguyễn Thị Minh K, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986  
Địa chỉ: 146/14/7 Vũ T, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2024; Bản tự khai của nguyên đơn ngày 17/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, các đại diện nguyên đơn đều thống nhất trình bày:*

Ngày 10/5/2023, Công ty TNHH L & L HCM (L&L) có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số L&LHCM0523-PASSIO về việc L&L sẽ cung cấp cho Công ty TNHH P (P) các loại hàng hóa theo danh mục được đề cập tại Điều 1 của Hợp đồng với tổng giá trị hợp đồng là 157.730.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng ngày 13/5/2023, L&L đã giao toàn bộ hàng hóa theo đúng quy định Điều 1 của hợp đồng cho P và các bên đã ký xác nhận vào biên bản giao nhận hàng hóa đồng thời L&L đồng thời xuất hóa đơn cho P vào ngày 16/5/2023. Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, P được yêu cầu đổi hàng trong thời hạn 07 ngày, tuy nhiên hết thời hạn 07 ngày, P đã không có bất kỳ yêu cầu đổi hàng nào. Vì vậy, L&L không còn bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng đối với P.

Theo quy định tại hợp đồng, P có nghĩa vụ thanh toán cho L&L thành 02 đợt: Đợt 1 là 79.365.000 đồng, P đã thanh toán cho L&L trong thời hạn 03 ngày sau khi ký hợp đồng. Đợt 2 là 79.365.000 đồng phải được thanh toán trong thời hạn 14 ngày kể từ sau khi giao hàng và nhận hóa đơn giá trị gia tăng từ L&L. Theo đó ngày đến hạn thanh toán là ngày 30/5/2023, tuy nhiên đến nay P vẫn chưa hoàn tất thanh toán cho L&L.

Nhận thấy P vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nên L&L đã nhiều lần làm văn bản yêu cầu P thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ. Ngày 13/10/2023, L&L nhận được công văn xin gia hạn thanh toán của P, trên tinh thần thiện chí hỗ trợ, L&L đã đồng ý cho P gia hạn thanh toán thành nhiều đợt tuy nhiên đến nay, P vẫn chưa thực hiện thanh toán xong cho L&L. Vì vậy, L&L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH P phải thanh toán số tiền còn nợ là 79.365.000 đồng. Không yêu cầu thanh toán tiền lãi. Yêu cầu thanh toán ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*\* Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát*

*biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

*Về nội dung:* Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc còn thiếu theo yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty TNHH L&L HCM có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH P về yêu cầu thanh toán tiền nợ mua hàng còn thiếu. Do đó xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn Công ty TNHH L&L HCM ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Phạm Thị Như T, bà Phan Kim Q, bà Nguyễn Thị Khánh V trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp lệ nên chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những

chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ nhưng vẫn không có mặt để giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ gốc là 79.365.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở xác định Công ty TNHH L&L HCM và Công ty TNHH P có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số L&LHCM0523-PASSIO ngày 10/5/2023. Việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH L&L HCM và Công ty TNHH P phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực pháp luật, do đó quyền, nghĩa vụ của các bên đã phát sinh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, L&L đã giao toàn bộ hàng hóa theo đúng quy định Điều 1 của hợp đồng và các bên đã ký xác nhận vào Phiếu xuất kho ngày 13/5/2023.

Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, P được yêu cầu đổi hàng trong thời hạn 07 ngày, hết thời hạn 07 ngày, P đã không có bất kỳ yêu cầu đổi hàng nào. Do đó, L&L không còn bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng đối với P.

Tại Điều 2 của Hợp đồng quy định: P có nghĩa vụ thanh toán cho L&L thành 02 đợt, đợt 1 là 79.365.000 đồng (đã được thanh toán trong thời hạn 03 ngày sau khi ký hợp đồng); đợt 2 là 79.365.000 đồng phải được thanh toán trong thời hạn 14 ngày kể từ sau khi giao hàng và nhận hóa đơn giá trị gia tăng từ L&L. Ngày 13/5/2024, L&L đã thực hiện việc giao hàng, ngày 16/5/2023 đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00011637 cho P. Như vậy ngày đến hạn thanh toán của đợt 2 sẽ là ngày 30/5/2023.

Quá thời hạn thanh toán nhưng P chưa thực hiện việc thanh toán công nợ còn thiếu cho L&L nên ngày 28/9/2023 L&L đã gửi công văn số 2809/2023-LNL về việc thu hồi nợ quá hạn, đề nghị P thanh toán tổng công nợ 79.365.000 đồng và tiền phạt chậm trả 6.349.200 đồng. Ngày 13/10/2023, P gửi công văn số 01-1310/2023/CV cho L&L đề nghị gia hạn thêm thời gian thanh toán phần công nợ còn lại với tổng số tiền tính đến ngày 13/10/2023 là 79.365.000 đồng và số tiền phạt chậm thanh toán là 6.349.200 đồng thành 05 đợt, hạn cuối là ngày 28/11/2023. Tuy nhiên P chỉ mới thanh toán tiền phạt chậm thanh toán là 6.349.200 đồng cho L&L, còn tiền nợ gốc là 79.365.000 đồng chưa thanh toán.

Xét, P chưa hoàn tất việc thanh toán khoản tiền nợ gốc còn nợ 79.365.000 đồng cho L&L là vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH L&L HCM về việc buộc Công ty TNHH P thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005.

[4.2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, đã quá thời hạn thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thực hiện việc thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn thanh toán ngay một lần tiền hàng còn nợ theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 24, 50, và 55 Luật Thương mại năm 2005;

Luật án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Luật Thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH L&L HCM.

Buộc Công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH L&L HCM tiền hàng còn nợ của Hợp đồng mua bán hàng hóa số L&LHCM0523-PASSIO ngày 10/5/2023 được ký kết giữa hai bên là 79.365.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.968.250 đồng.

Công ty TNHH L&L HCM không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH L&L HCM 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0038113 ngày 08/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phương**